

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày 28 - 9 - 2023

V/v “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Đông và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Y (Công ty TNHH điện tử T); địa chỉ trụ sở: 1st, M, Y, Jiangsu (Phòng 502, tầng 5, khu B, Tòa nhà 5, số 1 đường W, Khu phát triển kinh tế và Công nghệ D), Trung Quốc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P;

Người đại diện theo ủy quyền gồm: Ông Lê Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; ông Dương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 132, Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1997 (Đồng thời là người nhận văn bản tố tụng); địa chỉ: Phòng 2608, tòa nhà HH2, B, số 15, phố T, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; có mặt bà L, vắng mặt ông H, ông T.

- Bị đơn: Công ty TNHH J; địa chỉ: Khu Công nghiệp Đ, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

Chủ sở hữu: Ông C; chức vụ: Tổng Giám đốc J; địa chỉ trụ sở chính: 15-20, D, H, G, Hàn Quốc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J; chức danh: Giám đốc Công ty TNHH J; địa chỉ thường trú: 64, D, H, G, Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH N; địa chỉ trụ sở: Khu văn phòng 16, tầng 4, Tòa nhà S, số 35, L, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Đặng Quý T1 - Luật sư của Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Công ty TNHH điện tử T (Gọi tắt Công ty D) cung cấp hàng hóa cho Công ty TNHH J (Gọi tắt Công ty J) thông qua Wechat/Messenger được thể hiện thông qua các hợp đồng mua bán sau:

Hợp đồng mua bán số JMIH200807001 ngày 06/8/2020, với số lượng khóa bi bộ thử TOV: 03 bộ trị giá 3.525 USD; ngày gửi sản phẩm 30/8/2020 theo số hóa đơn điện tử YTDI2008-003 ngày 27/8/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200805001 ngày 06/8/2020, với số lượng khóa bộ thử đèn LED-TOV(TLV-16-900mm) 02 bộ; bộ thử đèn LED-MURA (TLM-48) 02 bộ. Tổng trị giá 74.334 USD; ngày gửi sản phẩm 31/8/2020 theo số hóa đơn YTDI2008-003 ngày 27/8/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200825001 ngày 07/8/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 03 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 01 bộ. Tổng trị giá 7.350 USD; ngày gửi sản phẩm 11/8/2020 theo số hóa đơn YTDI2008-001 ngày 11/8/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200825001 ngày 25/8/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 02 bộ. Tổng trị giá 7.580 USD; ngày gửi sản phẩm 03/9/2020 theo số hóa đơn: YTDI2009-001 ngày 03/9/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200903001 ngày 3/9/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 03 bộ. Tổng trị giá 6.140 USD; ngày gửi sản phẩm 08/9/2020 theo số hóa đơn: YTDI2009-002 ngày 08/9/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200918001 ngày 18/9/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 02 bộ; khóa bi bộ thử nhiệt độ cao (YPBHT-9) 02 bộ; khóa bi bộ thử thiết độ phòng (YPBRT-9) 02 bộ. Tổng trị giá 10.380 USD; ngày gửi sản phẩm 22/9/2020 theo số hóa đơn: YTDI2009-004 ngày 23/9/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200919001 ngày 19/9/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 01 bộ. Tổng trị giá 3.790 USD; ngày gửi sản phẩm 26/9/2020 theo số hóa đơn: YTDI2009-006 ngày 26/9/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200924001 ngày 24/9/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 02 bộ. Tổng trị giá 4.492 USD; ngày gửi sản phẩm 30/9/2020 theo số hóa đơn: YTDI2009-007 ngày 30/9/2020.

Hợp đồng mua bán số JMIH200930001 ngày 30/9/2020, với số lượng hàng hóa gồm: Khóa bi bộ thử lệch tâm (YPBE-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử quang (YPBO-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử MURA (YPBM-10) 01 bộ; khóa bi bộ thử TOV(YPBT-10) 01 bộ. Tổng trị giá 3.790 USD; ngày gửi sản phẩm 17/10/2020 theo số hóa đơn thương mại: YTDI2010-001 ngày 12/10/2020.

Công ty D đã giao thành công hàng hóa cho Công ty J với tổng trị giá 121.381 USD thể hiện qua 08 vận đơn gồm:

Vận đơn DHL, ngày 05/10/2020; Vận đơn hàng không, ngày 13/8/2020; Vận đơn hàng không, ngày 30/8/2020; Vận đơn DHL ngày 03/9/2020; Vận đơn hàng không, ngày 24/9/2020; Vận đơn DHL ngày 26/9/2020; Vận đơn hàng không, ngày 17/10/2020; Vận đơn hàng không, ngày 10/9/2020.

Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán được ấn định sau khi giao hàng thành công. Công ty J đã nhận hàng và thanh toán cho Công ty D số tiền 22.737 USD.

Ngày 23/2/2021, Công ty J yêu cầu Công ty D xác nhận số tiền chưa thanh toán nhằm mục đích kiểm toán cho năm 2020 nên Công ty D đã xác nhận Công ty J còn nợ 98.644 USD và Công ty J thanh toán cho Công ty D làm 02 đợt, cụ thể: Đợt 1 số tiền 4.125 USD, đợt 2 số tiền 8.740 USD. Tính đến thời điểm khởi kiện Công ty J còn phải thanh toán cho Công ty D số tiền 85.714 USD; Công ty D đã liên tục gửi email yêu cầu Công ty J thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ nhưng Công ty J không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH J thanh toán trả Công ty TNHH điện tử T số tiền mua hàng 85.714 USD tương ứng 1.951.707.780 đồng Việt Nam và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 20/10/2021 đến khi xét xử là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty TNHH J phải thanh toán trả nợ Công ty TNHH điện tử T là 2.051.707.780 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận Công ty TNHH J có khoản công nợ phải thanh toán cho Công ty TNHH điện tử T với số tiền mua hàng là 85.714 USD, tương ứng 1.951.707.780 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 20/10/2021 đến nay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng 2.051.707.780 đồng. Tuy nhiên, hiện tại Công ty TNHH J đã tạm ngừng kinh doanh, chưa có khả năng thanh toán, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, không bổ sung, không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới nhưng đề nghị Hội đồng xét xử quy đổi từ đồng USD thành Việt Nam đồng và làm tròn số tiền 1.951.707.780 đồng thành số tiền 1.951.707.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30; 35; 37; 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH điện tử T; buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền mua hàng còn nợ là 1.951.707.000 đồng và lãi chậm trả phát sinh từ ngày 20/10/2021 đến nay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng 2.051.707.000 đồng. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH J phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ông Lê Văn H, ông Dương Đức T) đều vắng mặt; tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Bà Nguyễn Thị Ngọc L) có mặt và cùng với đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các Công ty của nước ngoài và bị đơn có trụ sở tại Khu công nghiệp ĐI, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng mua bán giữa các bên được thực hiện thông qua ngày gửi sản phẩm bắt đầu từ ngày 30 tháng 8 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020; tuy nhiên, nguyên đơn gửi thư yêu cầu bị đơn thực hiện thanh toán hạn cuối cùng được ấn định vào ngày 20 tháng 10 năm 2021; theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại thì: “Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm...”. Do vậy, ngày 17 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là trong thời hạn khởi kiện.

[3] Về nội dung khởi kiện: Thông qua các Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty D và Công ty J về việc cung cấp hàng hóa, các thiết bị điện tử trị giá 121.381 USD; Công ty D đã giao đầy đủ hàng hóa theo các Hợp đồng được thể hiện qua các vận đơn giao hàng cho Công ty J và Công ty J đã nhận hàng; đồng thời, thanh toán cho D số tiền 22.737 USD, nợ lại 98.644 USD được thể hiện qua yêu cầu xác nhận nợ của Công ty J nhằm mục đích kiểm toán cho năm 2020. Tính đến thời điểm khởi kiện Công ty J còn nợ Công ty D số tiền 85.714 USD. Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Công ty J thừa nhận các khoản nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Do đây là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nên việc thỏa thuận thanh toán bằng USD không vi phạm các quy định về quản lý ngoại hối. Theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại, Công ty J Việt Nam có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 85.714 USD tương ứng 1.951.707.780 đồng là phù hợp pháp luật.

Đối với khoản lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán với số tiền 100.000.000 đồng và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý là phù hợp và không trái với Điều 306 Luật Thương mại. Vì vậy, buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán là 100.000.000 đồng. Chấp nhận đề nghị của đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử quy đổi từ đồng USD thành Việt Nam đồng và làm tròn số tiền 1.951.707.780 đồng thành số tiền 1.951.707.000 đồng để các bên thực hiện theo quy định.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Công ty TNHH điện tử T), buộc bị đơn (Công ty J) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH điện tử T số tiền nợ chưa thanh toán là 1.951.707.000 đồng và tiền lãi chậm trả với số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng 2.051.707.000 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty J phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 35; các Điều 37; 146; 147; 147; 227; 228; 271; 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 24; 27; 28; 50; 55; 306; 319 của Luật Thương mại; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Công ty TNHH điện tử T).

Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán trả Công ty TNHH điện tử T số tiền nợ gốc 1.951.707.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 100.000.000 đồng. Tổng

cộng 2.051.707.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi một triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH J phải chịu 73.034.000 đồng (Bảy mươi ba triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng). Trả lại Công ty TNHH điện tử T số tiền 35.404.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm linh tư nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại mà Công ty TNHH điện tử T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002522 ngày 22/6/2023, tại cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- HCTP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy